

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ TÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-ST  
Ngày: 22 - 9 - 2020.  
“V/v Tranh chấp đòi lại tài sản  
và hợp đồng thuê tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Kiều Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Minh Thọ;

Ông Lý Thanh Chiều.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Minh Chánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp đòi lại tài sản và hợp đồng thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn M; Cư trú: Số 8, ấp N, thị trấn Huỳnh Hữu N, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Minh T; Cư trú: Ấp Mỹ T, thị trấn Huỳnh Hữu N, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 02 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Bùi Văn M trình bày:*

Ông M làm nghề cho thuê xe đẩy, vào ngày 30/10/2017 ông M có cho bà T thuê một chiếc xe đẩy với giá thuê là 40.000 đồng/ngày, việc cho thuê xe đẩy không có làm giấy tờ. Kể từ ngày bà T thuê xe đẩy cho đến nay, ông M đã nhiều lần yêu cầu bà T trả lại xe đẩy và tiền thuê xe, nhưng bà T chỉ hứa mà không thực hiện trả tiền thuê xe và cũng không trả lại xe cho ông M.

Ông Bùi Văn M yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị Minh T phải trả

lại cho ông M một chiếc xe đẩy trị giá là 5.000.000 đồng và tiền thuê xe đẩy từ ngày 30/10/2017 đến ngày 03/02/2020 là 1173 ngày, tiền thuê xe 40.000 đồng/ngày, số tiền là 46.920.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng).

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 6 năm 2020 bị đơn bà Lê Thị Minh T trình bày:*

Bà T không thừa nhận có thuê xe đẩy của ông M, mà ông Thái Vũ L, địa chỉ ấp Thiện T, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T là người làm công cho bà T thuê xe của ông M, bà T biết khi ông L thuê xe sau một ngày, thì ông L có nói với bà T là ông L thuê xe của ông M, bà T đưa cho ông L 80.000 đồng để trả cho ông M, ông L hiện nay bị tai nạn giao thông, có lúc ông M nói ông L làm mất xe, lúc nói bà T làm mất xe, vì tình nghĩa ông L là người làm công cho bà T, bà T đồng ý hỗ trợ ông L trả cho ông M số tiền 3.000.000 đồng, còn ông M yêu cầu bà T trả chiếc xe đẩy bị mất và tiền thuê xe thì bà T không đồng ý. Vì bà T không có làm mất xe và thuê xe của ông M.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn một chiếc xe đẩy và tiền thuê xe đẩy. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp đòi lại tài sản và hợp đồng thuê tài sản, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú ấp Mỹ T, thị trấn Huỳnh Hữu Ng, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả chiếc xe đẩy và tiền thuê xe đẩy. Trong quá trình thuê xe bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả một chiếc xe đẩy và tiền thuê xe đẩy. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp đòi lại tài sản và hợp đồng thuê tài sản.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả chiếc xe đẩy và tiền thuê xe đẩy, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn không thừa nhận có thuê xe đẩy và làm mất chiếc xe đẩy của nguyên đơn, bị đơn biết ông L người trực tiếp thuê xe của nguyên đơn. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Thái Vũ L, Ban nhân dân ấp Thiện T cho biết: Ông L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Thiện T, xã Thuận H, nhưng sau khi ông L bị tai nạn giao thông đi làm thuê ở Thành phố không có về địa phương. Tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”*, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả chiếc xe và tiền thuê xe nhưng nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh là bị đơn thuê xe và làm mất chiếc xe đẩy của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ, nhưng nguyên đơn cho rằng không có tài liệu, chứng cứ để cung cấp cho Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn cho rằng: Giữa nguyên đơn và bị đơn quen biết với nhau, nên khi bị đơn không trả tiền thuê xe và làm mất xe thì nguyên đơn không có báo chính quyền địa phương lập biên bản việc mất xe, cũng không có người trực tiếp chứng kiến, chỉ có nguyên đơn và bị đơn biết, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Từ những chứng cứ trên chưa đủ cơ sở buộc bị đơn trả chiếc xe đẩy và tiền thuê xe đẩy cho nguyên đơn. Cho nên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Bị đơn đồng ý hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng vì tình nghĩa giữa ông L và bị đơn, do ông L bị tai nạn giao thông, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn đồng ý hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi nên nguyên đơn được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn M, về việc yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Minh T trả số tiền thuê xe đẩy là: 46.920.000 đồng và một chiếc xe đẩy trị giá là 5.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Nguyên đơn ông Bùi Văn M được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.596.000 đồng (Hai triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

3.2. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đào Thị Kiều Oanh**